

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 9 – 2022
V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân;
Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyện-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên-Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022, về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh ngày 01/01/1982, địa chỉ: Số 91/2, Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn P, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp Y, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Lê Thị H trình bày:*

Vào năm 1999, bà và Ông Võ Văn P kết hôn theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung tên Võ Quốc Q, sinh ngày 02/10/2001 và Võ Quốc D, sinh ngày 22/3/2006, hiện nay các con chung sống với Ông P.

Nguyên nhân ly hôn do cuộc sống hôn nhân nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, nên vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với Ông Võ Văn P;

- Về con chung:

+ Cháu Võ Quốc Q, sinh ngày 22/10/2001, đã trưởng thành, sống tự lập và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà đồng ý giao cháu Võ Quốc D, sinh ngày 22/3/2006 cho Ông P nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Bị đơn Ông Võ Văn P không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị H.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Ông Võ Văn P, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Từ năm 1999 đến nay, Bà Lê Thị H và Ông Võ Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa Bà H và Ông P, cho nên, yêu cầu khởi kiện của Bà H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống như vợ chồng, Bà H và Ông P có hai người con chung là Võ Quốc Q, sinh ngày 22/10/2001, đã trưởng thành, sống tự lập và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Võ Quốc D, sinh ngày 22/3/2006, hiện đang sống với Ông P.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[5] Xét thấy, cháu D có nguyện vọng sống với cha, người mẹ cũng đồng ý, người con chung này từ nhỏ đã được người cha chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người cha nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà H, giao cháu Võ Quốc D, sinh ngày 22/3/2006, cho Ông P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho Bà H, không ai được ngăn cản.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Bà H phải chịu 300.000 đồng.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, phù hợp với nhận định và phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị H, tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị H và Ông Võ Văn P là vợ chồng.

2) Về con chung: Giao cho Ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Quốc D, sinh ngày 22/3/2006, đến đủ 18 tuổi (theo như nguyện vọng của cháu); Bà H được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản. Còn cháu Võ Quốc Q, sinh ngày 22/10/2001, đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003937, ngày 05/7/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Bà H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng